TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ràng**
Bà **Trần Thị Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Kim Kúc** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 749/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm: 19

Địa chỉ: thôn S, xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm: 19

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2017, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:* Bà và ông Lê Văn S tự nguyện kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên kình cãi do ông S không chăm lo làm ăn, bỏ bê gia đình, không phụ giúp kinh tế với bà để nuôi dạy các con, ông S có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng ông S không chịu từ bỏ từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả 02 người con chung là Lê Thành N, sinh năm 2002 và Lê Thị Bích H, sinh năm 2007. Sau khi ly hôn bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn* - ông Lê Văn S đã được Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông S không đến.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:* Về chấp hành pháp luật, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Lê Văn S đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy: cuộc hôn nhân giữa bà C và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Văn S đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Trần Thị C yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn S và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

3.1 Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị C và ông Lê Văn S tự nguyện kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Ninh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 09 quyển số: 1-2002, cấp ngày 25 tháng 4 năm 2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị C và ông Lê Văn S là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên kình cãi, do ông S không chăm lo làm ăn, bỏ bê gia đình, không phụ giúp kinh tế với bà C để nuôi dạy các con, ông Sở có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà C đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng ông S không chịu từ bỏ, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, niềm tin giữa vợ chồng trong cuộc sống chung không còn, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Tại phiên tòa, ông S vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, qua đó cho thấy ông S không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C, là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Vợ chồng có tất cả 02 người con chung là Lê Thành N, sinh ngày 24/10/2002 và Lê Thị Bích H, sinh ngày 14/5/2007. Sau khi ly hôn bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà C và ông S không còn chung sống với nhau; việc nuôi dưỡng 02 con chung là do bà C đang trực tiếp. Đồng thời, căn cứ theo bản tự khai có trong hồ sơ, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Lê Thành N và Lê Thị Bích H đến trưởng thành; bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung; Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, ông Lê Văn S vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] *Về án phí:* Bà Trần Thị C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị C được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu: Lê Thành N, sinh ngày 24/10/2002 và Lê Thị Bích H, sinh ngày 14/5/2007 cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành, bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; Ông Lê Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi ông Lê Văn S có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Trần Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003489 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa; Bà Trần Thị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã A, khi án có hiệu lực;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Phạm Thùy My